

Số: 145 /TB-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2018

THÔNG BÁO
Về việc học Ngoại ngữ và Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ
đối với sinh viên hệ đại học chính quy

Áp dụng Chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo bậc đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1562/QĐ-ĐHLHN ngày 16/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường thông báo việc học Ngoại ngữ và công nhận Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học chính quy như sau:

1. Yêu cầu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

Quy định về Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ được áp dụng theo Quyết định số 1562/QĐ-ĐHLHN ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, được quy định chi tiết theo Quyết định số 120/QĐ-ĐHLHN ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, trong đó lưu ý mức độ đáp ứng về Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ như sau:

STT	NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH	CHUẨN ĐẦU RA THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
1.	Ngành Ngôn ngữ Anh	Bậc 5
2.	Ngành Luật (chương trình Chất lượng cao)	Bậc 4
3.	Các ngành: Luật, Luật Kinh tế, Luật Thương mại Quốc tế	Bậc 3

2. Tổ chức thi Chuẩn đầu ra và công nhận đạt Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức thi đánh giá Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ 04 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) từ tháng 4 năm 2018. Chúng chỉ Ngoại ngữ được công nhận đạt Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ phải đảm bảo đầy đủ 04 kỹ năng, các chứng chỉ được sinh viên dự thi kể từ ngày 01/4/2018 không đủ 04 kỹ năng sẽ không được Trường công nhận.

Sinh viên thi Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ từ kỳ thứ 5 trở đi của khóa học sẽ được công nhận đạt Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ. Kết quả thi này không được quy đổi để tính điểm tích lũy 2 học phần mà sinh viên đăng ký học học phần Ngoại

ngữ (nội dung này đã được nêu tại Thông báo số 575/TB-ĐHLHN ngày 10 tháng 3 năm 2015).

3. Miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ

Sinh viên không thuộc trường hợp miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ phải đăng ký học và tích lũy đủ học phần Ngoại ngữ theo quy định của chương trình đào tạo.

Các trường hợp được miễn học, miễn thi: Sinh viên có Chứng chỉ theo mục 5 của Thông báo này nộp về Phòng Đào tạo chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm học thứ Nhất (riêng Khóa 42, thời hạn nộp Chứng chỉ là ngày 31 tháng 5 năm 2018) sẽ được miễn học và được quy đổi điểm 10 của hai học phần Ngoại ngữ. Các sinh viên này vẫn phải đáp ứng quy định về Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ theo quy định chung.

4. Áp dụng cụ thể đối với các khóa

4.1. Đối với sinh viên từ Khóa 41 trở về trước

Sinh viên từ Khóa 41 trở về trước chưa thi Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tại Trường hoặc chưa có chứng chỉ Ngoại ngữ do các cơ sở quốc tế hoặc trong nước theo quy định tại mục 5 sẽ áp dụng theo mục 2 của Thông báo này.

4.2. Đối với sinh viên từ Khóa 42 trở đi

Sinh viên từ Khóa 42 trở đi được Trường tổ chức thi công nhận Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Công văn số 1807/QLCL-QLT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

5. Tham chiếu quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ và công nhận chứng chỉ do các cơ sở cấp

5.1. Tham chiếu quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ

Tham chiếu quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương với các cấp độ như sau:

ĐỐI VỚI TIẾNG ANH

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS (BC/IDP cấp)	TOEFL (ETS cấp)	TOEIC (4 kỹ năng) (ETS cấp)	Cambridge Exam (Cambridge Assessment cấp)	CEFR
Bậc 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	140 PET	B1
Bậc 4	5.5	500 ITP 173 CBT 61 iBT	600	160 FCE	B2

Bậc 5	7.0	550 ITP 213 CBT 80 iBT	850	180 CAE	C1
-------	-----	---------------------------	-----	---------	----

(Các điểm số trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Phòng Đào tạo sẽ xem xét cụ thể sau khi có ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

ĐỐI VỚI CÁC TIẾNG: NGA, PHÁP, TRUNG, ĐỨC, NHẬT

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật
Bậc 3	B1	TRKI 1	DELFB1	HSK cấp độ 3 (Đạt từ 180/300 điểm)	B1 ZD	JLPT N4

5.2. Các cơ sở cấp chứng chỉ được công nhận

5.2.1. Các cơ sở cấp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√	
2.	British Council (BC)	√			
3.	International Development Program (IDP)	√			
4.	Cambridge ESOL				√

5.2.2. Các cơ sở cấp chứng chỉ trong nước

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ bậc 3, 4, 5 (B1, B2, C1) được công nhận					
		Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật
1.	Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Quốc gia Hà Nội)	√	√	√	√	√	√
2.	Trường Đại học Hà Nội	√	√	√	√	√	√
3.	Phân viện Puskin		√				

4.	Viện Goethe					√	
5.	Quý giao lưu quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam						√

6. Hiệu lực của thông báo

Thông báo này thay thế Thông báo số 575/TB-ĐHLHN ngày 10 tháng 3 năm 2015.

Yêu cầu các đơn vị có liên quan và sinh viên nghiêm túc thực hiện./

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Phó hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Các Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan;
- BBT Công TTĐT Trường (để đưa tin);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Quang Huy